TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 16/2019/HN-ST
Ngày 22/5/2019
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.
2. Bà Võ Thị Kim Loan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 252/2018/TLST – HN ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST – HN ngày 18/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1994, địa chỉ: ấp PQ, xã YL, huyện GCT, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1995, đại chỉ: ấp TL, xã THT, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã THT, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017. Sau hơn hai năm chung sống, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn, thường xuyên nhậu say về đánh tôi, tôi khuyên nhiều lần nhưng anh L không sửa đổi, đến tháng 4/2017, tôi về nhà cha mẹ ruột sống, anh L không lui tới thăm từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Tôi và anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi cam kết không có nợ ai.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/12/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh L không đồng ý ly hôn với chị T vì còn thương chị T, về con chung, tài sản chung và nợ chung anh L thống nhất như chị T trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp "xin ly hôn".

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Nguyễn Văn L có đăng ký hộ khẩu tại xã THT, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn L là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn văn L.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L vì trong quá trình chung sống anh L không lo làm ăn, thường xuyên nhậu say về đánh chị T, vợ chồng thường xuyên cải nhau dẫn đến việc tháng 4/2017, chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống anh L không đến động viên vợ chồng trở lại chung sống nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh L lúc mới phát sinh là không lớn nhưng anh chị không tìm cách khắc phục để kéo dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị T về nhà cha mẹ ruột sống dẫn đến vợ chồng ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Anh L không đồng ý ly hôn nhưng anh L không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng để chị T đồng ý trở lại chung sống xây dựng hạnh phúc với anh. Chị T xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh không đến tham dự phiên tòa. Như vậy, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T nên cần xem xét cho chị T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị T và anh L không có con chung.

[4.3] Về tài sản chung: Chị T và anh L khai thống nhất không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Chị T và anh L khai không có, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Nguyễn Văn L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí:

2.1 Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19592 ngày 10/12/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị T đã nộp xong án phí.

2.2 Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về kháng cáo:

3.1 Chị Nguyễn Thị Thu To được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

3.2 Anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc lúc 10 giờ 10 phút cùng ngày.

Nơi nhận:
- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính